TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 4 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Minh

Ông Duyên Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 365a/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, con chung, chia tài sản chung, nợ chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

N đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1986 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Lệ H, sinh năm 1961, Trú tại: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt)

- Bà Phạm Kim N, sinh năm 1962, trú tại Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt)

- Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trần Văn T; địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Ngọc H trình bày: Bà và ông D xác lập mối quan hệ hôn nhân vào năm 2009 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hải, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau, trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn, ngoài ra trong cuộc sống thường xảy ra bất đồng với mẹ chồng nên vợ chồng ly thân 23/5/2016 đến nay, bà H không còn tình cảm với ông D, nay bà yêu cầu ly hôn với ông D; Về con chung: Bà H và ông D có 01 con chung tên Nguyễn Duy Phú, sinh ngày 16/12/2010, từ khi ly thân ông D nuôi con đến nay, ông D yêu cầu nuôi bà đồng ý giao con cho ông D nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Ngày cưới gia đình bên chồng có cho 1 dây chuyền vàng 24K trọng lượng 3,5 chỉ, lắc, nhẫn cưới bông tai 3,5 chỉ vàng 18K, sau đó tôi đổi vàng 24k thành vàng 18K tổng số là 07 chỉ, Mẹ chồng tôi mượn 3 lần với số vàng là 07 chỉ vàng 18k và 28.600.000 đồng, bà yêu cầu mẹ chồng là bà N trả lại; Trước đây cha bà là ông Mỷ có cho bà 01 nền nhà cho riêng bà chứ không cho chung vợ chồng. Nay không đồng ý theo yêu cầu của ông D; Nợ chung: Vợ chồng nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Trần Văn T số tiền 15.000.000 đồng yêu cầu chia đôi trả. Nay tại phiên tòa bà xin rút lại phần yêu cầu đối với bà N; phần nền nhà bà yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện giao cho bà H quản lý 01 nền nhà ngang 4,1 mét, dài 40 mét, sau này cháu Phú đủ 18 tuổi giao lại cho Phú.

Bị đơn Nguyễn Quốc D trình bày tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Về hôn nhân: Ông D thừa nhận vợ chồng xác lập vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã Khánh Hải, huyện Trần Văn T, nguyên nhân mâu thuẫn không có mâu thuẫn, bà H tự đi về cha mẹ, ông có đến kêu về nhưng bà H không về, nay bà H yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn; con yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Duy Phú, sinh ngày 16/12/2010, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung gồm 01 nền nhà ngang 4,1 mét, dài 40 mét do cha vợ là ông Nguyễn Việt Mỷ chuyển nhượng cho vợ chồng ông năm 2012, giá 10.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k (ông Mỷ chết), phần đất này ông D và bà H chưa được tách quyền sử dụng, nay tự nguyện thỏa thuận và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của các bên, giao cho bà H quản lý 01 nền nhà ngang 4,1 mét, dài 40 mét, sau này cháu Phú đủ 18 tuổi giao lại cho Phú.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Lệ H trình bày tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Nền nhà do chồng bà là ông Nguyễn Việt Mỹ hứa cho con gái là Nguyễn Ngọc H chưa tách quyền sử dụng đất cho H, (ông Mỹ chết năm 2015) phần đất này do bà đứng tên, lúc còn sống ông Mỷ nói cho H bằng miệng 01 nền nhà chứ không làm bất cứ giấy tờ tặng cho hay chuyển nhượng gì, nay bà H xác định đây là tài sản của bà, bà đồng ý cho H nhưng để bà quản lý đến khi cháu Phú đủ 18 tuổi bà có nghĩa vụ giao lại cho cháu Phú.

- *Bà Phạm Kim N trình bày*: Nay bà xác định không liên quan trong vụ kiện nên không có ý kiến gì thêm.

- *Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trần Văn T*: Căn cứ vào văn bản hướng dẫn nghiệp vụ đang áp dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Trần Văn T, Căn cứ hồ sơ vay vốn của bà Nguyễn Ngọc H do khoản vay đã đến hạn trả nợ cuối cùng. Vì vậy Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện yêu cầu tòa án hướng dẫn hộ vay thanh toán dứt điểm khoản nợ vay trước khi ly hôn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn T phát biểu quan điểm:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của BLTTDS; Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Trần Văn T chưa thực hiện đúng quy định Điều 73 BLTTDS, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, Thẩm phán còn để vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử, đề nghị thẩm phán rút kinh nghiệm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Ngọc H ly hôn với ông Nguyễn Quốc D; Về con chung: giao cháu Nguyễn Duy Phú, sinh ngày 16/12/2010 cho ông D nuôi dạy đến trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung: Đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của bà H và ông D về việc tạm giao cho bà Trần Lệ H (mẹ ruột bà H) quản lý 01 nền nhà theo đo đạc thực tế, ngang 4,1m, dài 26,40m, tổng diện tích 108,2m^2 đến khi cháu Phú đủ tuổi trưởng thành bà H có nghĩa vụ giao lại cho cháu Phú; Về nợ chung: Buộc Bà H và ông D liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trần Văn T 15.000.000 đồng, cụ thể mỗi người trả 7.500.000 đồng; Đình chỉ yêu cầu càu bà H về việc buộc bà Phạm Kim N trả 07 chỉ vàng 18k và 28.600.000 đồng; Về án phí và chi phí tố tụng khác: đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chia tài sản chung; bị đơn cư trú tại huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trần Văn T vắng mặt, Tòa án tống đạt Quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc H và ông Nguyễn Quốc D kết hôn năm 2009, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định, nay bà H và ông D

không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, ông bà đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà H và ông D đã ly thân thời gian dài. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H được ly hôn với ông D.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có với nhau được 01 người con chung Nguyễn Duy Phú, sinh ngày 16/12/2010, hiện ông D nuôi dạy.

Xét thấy, con chung tên Nguyễn Duy Phú, sinh ngày 16/12/2010 hiện đang sống chung với ông D ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu Phú muốn sống với ông D. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Duy Phú, sinh ngày 16/12/2010 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, ông D không yêu cầu cấp dưỡng, nên không xem xét. Bà H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Xét về tài sản chung: Tại phiên tòa bà H, ông D tự nguyện thỏa thuận nên nhờ tòa án ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Quốc D và bà Trần Lệ H, thống nhất giao lại cho bà Trần Lệ H tạm quản lý 01 nền nhà, ngang 4,1 mét, dài 40 mét, tọa lạc tại ấp Trùm Thuật A, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau, đến khi cháu Nguyễn Duy Phú đủ 18 tuổi, bà H có nghĩa vụ giao lại cho cháu Nguyễn Duy Phú.

Đối với khoản nợ chung 15.000.000 đồng của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Trần Văn T, số nợ này Ngân hàng không có đơn yêu cầu độc lập và cũng không dự nộp án phí theo quy định nhưng ông D và bà H đồng ý trả mỗi người ½ số tiền trên. HĐXX xét thấy cần chấp nhận sự tự nguyện của ông D nên buộc ông D có nghĩa vụ trả lại cho ngân hàng chính sách xã hội tiền 7.500.000 đồng, bà H có nghĩa vụ trả lại cho ngân hàng chính sách xã hội tiền 7.500.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn T tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạt 812.000 đồng, chi phí thẩm định 500.000 đồng, chi phí định giá 500.000 đồng; Ông D đã nộp trước 1.812.000 đồng, tại phiên tòa các bên thỏa thuận nên phải chia đôi chi phí này. Do ông D đã nộp xong, bà H có trách nhiệm trả lại cho ông D số tiền 906.000 đồng.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 245, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự; khoản 1, 2 Điều 59, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc H ly hôn với ông Nguyễn Quốc D.

2. Con chung: Giao cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 16/12/2010 cho ông Nguyễn Quốc D nuôi dạy đến tuổi trưởng thành (tức 18 tuổi), bà H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung:

- Đình chỉ đối với bà H yêu cầu bà N trả lại số vàng 07 chỉ vàng 18K và số tiền 28.600.000 đồng.

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Hận và ông D về phần tài sản chung: Nay tạm giao cho bà Trần Lệ H quản lý 01 nền nhà ngang 4,1 mét, dài 40 mét, tọa lạc tại ấp Trùm Thuật A, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau, đến khi cháu Nguyễn Duy Phú đủ 18 tuổi, bà H có nghĩa vụ giao lại cho cháu Nguyễn Duy Phú.

- Về phần nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ngân hàng chính sách xã hội số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng); Ông Nguyễn Quốc D có nghĩa vụ trả cho ngân hàng chính sách xã hội số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng)

4. Về chi phí tố tụng: Ông D phải chịu 906.000 đồng (nộp xong) bà H phải chịu 906.000 đồng, số tiền ông D nộp trước, nay bà H có nghĩa vụ giao lại cho ông D số tiền 906.000 đồng, (chi phí đo đạc, thẩm định và định giá).

5. Về án phí: Bà H phải chịu 852.000 đồng, vào ngày 15/6/2017 có dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007079, vào ngày 15/8/2017 có dự nộp số tiền 1.150.000 đồng theo biên lai thu số 0007256, nay được đối trừ, được nhận lại 325.000 đồng.

- Ông Nguyễn Quốc D phải chịu án phí là 525.000 đồng, vào ngày 24/8/2017 có dự nộp số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0007291, nay được đối trừ, được nhận lại 1.475.000 đồng.

N đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Ngân hàng vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn T;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thanh Thủy